

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền
sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện thành phố; Hội đồng đấu giá tài sản được thành lập trong trường hợp luật quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, bình đẳng, khách quan.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu giá viên.

4. Cuộc đấu giá phải do đấu giá viên điều hành, trừ trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện.

5. Mỗi lô đất, thửa đất, khu đất xây dựng nhà ở để tổ chức đấu giá phải có ít nhất từ 02 (hai) người trở lên; đối với đất dự án phải có ít nhất từ 02 (hai) tổ chức, cá nhân trở lên đăng ký tham gia đấu giá có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 4. Quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá

1. Quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp

quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất (*sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP*).

2. Điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 5. Đối tượng tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đối tượng được tham gia đấu giá là các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55, Điều 56 (*trừ các điểm b, g khoản 1, khoản 2 của Điều 56*) của Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối tượng được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phải đảm bảo các điều kiện:

- a) Có năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất.
- b) Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư khác.
- c) Đối với tổ chức kinh tế phải phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chương II

CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 6. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất:

- a) Trung tâm phát triển quỹ đất.
- b) Cơ quan, đơn vị có chức năng được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất: Căn cứ phương án đấu giá quyền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện việc ký hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất với đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 7. Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, gồm:

- a) Tổ chức đấu giá tài sản bao gồm Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản.

b) Hội đồng đấu giá tài sản trong trường hợp luật quy định việc đấu giá tài sản phải do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện hoặc không lựa chọn được đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Nhiệm vụ của đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức cuộc đấu giá tài sản theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đấu giá tài sản và phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt. Ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất phù hợp với nội dung của phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt.

Chương III **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC** **THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Điều 8. Lập, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất

1. Lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất

a) Việc lập, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc địa bàn từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan liên quan lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn của đơn vị mình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thẩm định các phương án đấu giá quyền sử dụng đất trên, tổng hợp thành một phương án đấu giá quyền sử dụng đất thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Nội dung chính của phương án đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP, riêng nội dung lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá thì thực hiện theo Điều 11 của quy định này.

3. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, nội dung phương án đấu giá quyền sử dụng đất có thêm các nội dung: hình thức đầu tư; mục tiêu đầu tư; địa điểm xây dựng; quy mô dự án; diện tích sử dụng đất; các chỉ tiêu về quy hoạch, kiến trúc; dự kiến tổng mức đầu tư của dự án; thời gian và tiến độ thực hiện dự án; nguồn vốn.

Điều 9. Chuẩn bị hồ sơ và quyết định đấu giá quyền sử dụng đất

1. Chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất.

a) Căn cứ phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất đấu giá, gửi đến cơ quan tài nguyên và môi trường để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Hồ sơ thửa đất đấu giá thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

2. Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất.

Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất được thể hiện bằng văn bản và có những nội dung chính quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

Điều 10. Xác định và phê duyệt giá khởi điểm của thửa đất đấu giá

1. Trình tự, thủ tục xác định và phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp thửa đất hoặc khu đất đã được phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất nhưng việc tổ chức đấu giá chưa kết thúc hoặc chỉ kết thúc một phần trong năm được phê duyệt giá khởi điểm, phải chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện, mà giá khởi điểm đã được phê duyệt vẫn cao hơn giá đất tại Bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và Chứng thư định giá đất hoặc Chứng thư thẩm định giá vẫn còn hiệu lực thì lấy giá khởi điểm đã được phê duyệt để tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm của thửa đất đấu giá thực hiện theo Điều 9 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP. Giá khởi điểm của thửa đất đấu giá đã được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 11. Lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Sau khi có quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất căn cứ thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản.

2. Nội dung thông báo thực hiện theo khoản 2 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016. Thời gian thông báo công khai ít nhất 15 (*mười lăm*) ngày làm việc. Hết thời hạn thông báo mới thực hiện chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất để đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Trường hợp có từ 02 (*hai*) đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất trở lên đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thì đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất phối hợp lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất để đấu giá quyền sử dụng đất căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

b) Phương án tổ chức đấu giá khả thi, hiệu quả.

c) Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

đ) Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố.

e) Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

4. Trường hợp thực hiện đấu thầu thì việc lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ bằng vốn nhà nước.

Điều 12. Ký hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện việc ký hợp đồng đấu giá với đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất được lựa chọn.

2. Nội dung của Hợp đồng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP và phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt.

Điều 13. Giám sát thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

2. Tại một số cuộc đấu giá, xét thấy cần thiết đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất mời đại diện cơ quan tư pháp, tài nguyên và môi trường, tài chính, công an, chính quyền địa phương nơi có đất đưa ra đấu giá và đại diện tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tham dự, giám sát thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 14. Phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất

1. Trường hợp đất do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện việc đấu giá:

a) Trong thời hạn 03 (*ba*) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức đấu giá thành đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất lập hồ sơ gửi đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

b) Trong thời gian 05 (*năm*) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất yêu cầu, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất hoàn chỉnh hồ sơ gửi cơ quan tài nguyên và môi trường để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

2. Trường hợp đất do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện việc đấu giá, thì trong thời hạn 05 (*năm*) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đấu giá thành, Hội đồng đấu giá tài sản có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

3. Hồ sơ được thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

4. Nội dung quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, nội dung quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá có thêm nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 8 quy định này.

5. Trong thời gian không quá 10 (*mười*) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá. Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất được gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan thuế.

Điều 15. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tổ chức bàn giao đất trên thực địa cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá

1. Trong thời hạn không quá 03 (*ba*) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá bàn giao quyết định trúng đấu giá và hồ sơ đấu giá cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Trình tự, thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp được giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng được đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất chỉ định và chuyển chứng từ đã nộp tiền cho đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

4. Sau khi đã nhận được chứng từ nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá, trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất chủ trì, phối hợp với cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức bàn giao đất thực địa, đồng thời cơ quan tài nguyên và môi trường ký hợp đồng thuê đất với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất; Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trúng đấu giá; chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định.

Điều 16. Hủy kết quả trúng đấu giá

1. Kết quả trúng đấu giá bị hủy theo quy định tại Điều 72 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

2. Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thông báo ngay việc hủy kết quả trúng đấu giá quy định tại khoản 1 Điều này cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá biết.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Khiếu nại, tố cáo

Các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Quy định này được giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; pháp luật về đất đai; pháp luật về đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất; báo cáo kết

quả thực hiện theo quy định của pháp luật; xử lý và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đấu giá quyền sử dụng đất theo thẩm quyền.

b) Thông báo danh sách các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết trong trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trong đó thể hiện đầy đủ danh mục công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định phương án đấu giá quyền sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất; trình ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá và quyết định hủy kết quả trúng đấu giá đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người, tổ chức trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; chỉ đạo đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu địa chính, hồ sơ địa chính theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo kết quả thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xử lý các vướng mắc, khó khăn liên quan đến việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết trong trường hợp vượt thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan có liên quan quản lý, sử dụng tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Theo dõi, đôn đốc, giám sát việc nộp tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xử lý các vướng mắc, khó khăn có liên quan đến việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất

hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết trong trường hợp vượt thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất; ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng đất; ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá và quyết định hủy kết quả trúng đấu giá; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Báo cáo kết quả việc đấu giá quyền sử dụng đất tại địa phương theo quy định.

5. Các sở, ban ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình triển khai thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Tài chính và các sở, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Khi cần thiết, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để trao đổi thông tin, rút kinh nghiệm về việc thực hiện Quy định này.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong văn bản này bị thay đổi hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện các nội dung tương ứng theo các văn bản đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, yêu cầu các đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế Quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn